

Số: 218/QĐ-CĐBP

Bình Phước, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Chương trình đào tạo ngành Cao đẳng Công nghệ ô tô

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06 tháng 04 năm 2022 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Bình Phước, ban hành theo Quyết định số 13/QĐ-CĐBP ngày 02/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước;

Căn cứ biên bản cuộc họp Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo ngành Cao đẳng Công nghệ ô tô của trường Cao đẳng Bình Phước;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo, Nghiên cứu khoa học và Hợp tác Quốc tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo ngành Cao đẳng Công nghệ ô tô gồm: Chương trình khung và chương trình chi tiết giảng dạy tại trường Cao đẳng Bình Phước.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám hiệu, các phòng, khoa, bộ môn trong nhà trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ LĐTBXH (để đăng ký);
- UBND tỉnh (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT.



Hà Văn Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÌNH PHƯỚC



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH CÔNG NGHỆ Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG**

Mã ngành: 6510216

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-CDBP, ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)*

Bình Phước, tháng 6 năm 2022



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 218/QĐ-CĐBP, ngày 24 tháng 6 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Bình Phước)

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương;

Thời gian đào tạo: 03 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Chính trị, đạo đức:

- + Hiểu biết những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Hiến pháp, Pháp luật của nhà nước;
- + Có ý thức tự giác chấp hành kỷ luật lao động, lao động có kỹ thuật, có chất lượng và năng suất cao;
- + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng:

- + Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

- Kiến thức:

- + Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn ngành Công nghệ ô tô;
- + Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;
- + Hiểu được cách đọc các bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;
- + Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;
- + Trình bày được các chỉ tiêu, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng và phương pháp đo kiểm của từng loại chi tiết, hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được nguyên lý hoạt động của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực của ô tô hiện đại;
- + Giải thích được các phương pháp chẩn đoán sai hỏng của các cơ cấu và hệ thống trong ô tô;
- + Trình bày được yêu cầu cơ bản và các bước tiến hành khi lập quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;

+ Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và vệ sinh công nghiệp;

+ Nêu được nội dung và những nguyên lý cơ bản trong công tác quản lý và tổ chức sản xuất.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề Công nghệ ô tô;

+ Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;

+ Thực hiện được công việc kiểm tra, chẩn đoán và khắc phục các sai hỏng của các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;

+ Lập được quy trình kiểm tra, chẩn đoán, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật và an toàn;

+ Lập được kế hoạch sản xuất; tổ chức và quản lý các hoạt động sản xuất đạt tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn an toàn, tiêu chuẩn vệ sinh công nghiệp;

+ Giao tiếp được bằng tiếng Anh trong công việc; sử dụng máy vi tính tra cứu được các tài liệu chuyên môn và soạn thảo văn bản;

+ Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;

+ Có khả năng tiếp thu và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;

+ Đào tạo, bồi dưỡng được về kiến thức, kỹ năng nghề cho thợ bậc thấp hơn.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp:

Người lao động kỹ thuật có trình độ Cao đẳng sau khi tốt nghiệp có nhiều cơ hội việc làm tại các doanh nghiệp sản xuất phụ tùng ô tô, nhà máy lắp ráp, các trung tâm bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và các cơ sở đào tạo nghề; được phân công làm việc ở các vị trí:

- Thợ sửa chữa tại các xí nghiệp bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

- Chuyên viên kỹ thuật tại các công ty vận tải ô tô;

- Nhân viên tư vấn dịch vụ tại các đại lý bán hàng và các trung tâm dịch vụ sau bán hàng của các hãng ô tô;

- Công nhân các nhà máy sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;

- Giáo viên giảng dạy trong các cơ sở đào tạo nghề.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian toàn khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 40

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 113 Tín chỉ, tương đương: **2600 giờ**

- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2165 giờ

- Khối lượng lý thuyết: 808 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1.680 giờ

3. Nội dung chương trình:

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số Tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	Các môn học chung					
MH1.C	Giáo dục Chính trị	4	75	41	29	5
MH2.C	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH3.C	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH4.C	Giáo dục quốc phòng - An ninh	4	75	36	35	4
MH5.C	Tin học	3	75	15	58	2
MH6.C	Tiếng anh	5	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở					
MH7.COT	Kỹ năng mềm	2	30	9	20	1
MH8.COT	Điện kỹ thuật	2	30	12	16	2
MH9.COT	Điện tử cơ bản	2	30	12	16	2
MH10.COT	Cơ ứng dụng	2	45	32	11	2
MH11.COT	Vật liệu học	2	30	24	4	2
MH12.COT	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	24	4	2
MH13.COT	Vẽ kỹ thuật	2	45	12	31	2
MH14.COT	Công nghệ khí nén - thủy lực ứng dụng	2	45	28	15	2
MH15.COT	Nhiệt kỹ thuật	2	30	24	4	2
MH16.COT	An toàn lao động	2	30	24	4	2
MH17.COT	Tổ chức quản lý sản xuất	2	30	24	4	2
MĐ18.COT	Thực hành AUTOCAD	2	30	0	28	2
MĐ19.COT	Thực hành Ngụội cơ bản	2	45	0	43	2
MĐ20.COT	Thực hành Hàn cơ bản	2	30	0	28	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn					
MĐ21.COT	Kỹ thuật chung về ô tô và công nghệ sửa chữa	3	75	28	45	2

MĐ22.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền và bộ phận cố định của động cơ 2	4	90	24	62	4
MĐ23.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	75	24	47	4
MĐ24.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	3	75	12	59	4
MĐ25.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ xăng dùng bộ chế hòa khí	4	90	24	62	4
MĐ26.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	4	90	24	62	4
MĐ27.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô 2	5	120	30	86	4
MĐ28.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	4	90	24	62	4
MĐ29.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống di chuyển	2	60	12	44	4
MĐ30.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống lái	2	60	12	46	2
MĐ31.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	2	60	12	46	2
MĐ32.COT	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	3	75	28	45	2
MĐ33.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	3	75	24	49	2
MĐ34.COT	Thực tập tại cơ sở sản xuất 2	4	180	0	180	BC
II.3	Môn học, mô đun tự chọn(Đã chọn)					
MĐ35.COT	Kỹ thuật lái ô tô	2	60	16	42	2
MĐ36.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	3	75	24	49	2
MĐ37.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	4	100	30	66	4
MĐ38.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số tự động ô tô	3	75	24	47	4
MĐ39.COT	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô - xe máy	4	90	30	56	4

MĐ40.COT	Kiểm tra và sửa chữa PAN ô tô	3	70	24	42	4
	Tổng cộng	113	2600	808	1680	112

(Nội dung chi tiết có Phụ lục kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình:

4.1. Các môn học chung thực hiện theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

- Giáo dục Chính trị: Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06/12/2018.
- Tin học: Thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Giáo dục thể chất: Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Tiếng anh: thông tư 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019.
- Pháp luật: Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.
- Giáo dục quốc phòng và an ninh: Thông tư số 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

Xác định nội dung và thời gian hoạt động ngoại khóa cho phù hợp, nội dung thực hiện gồm:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao:	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hóa, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại:	Mỗi học kỳ 1 lần

Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

- Hình thức, thời gian kiểm tra thường xuyên: Giáo viên thực hiện tại thời điểm bất kỳ trong quá trình học tập, thời gian ≤ 30 phút.

- Hình thức kiểm tra định kỳ: Giáo viên thực hiện tại thời điểm quy định trong chương trình học, thời gian từ 45 phút đến 60 phút.

- Hình thức và thời gian thi, kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

+ Bài thi viết: Là bài thi tổng hợp kiến thức của môn học/môn đun, thời gian từ 60 phút đến 120 phút.

+ Bài thi thực hành: Là bài tổng hợp kỹ năng của môn học/mô đun, thời gian từ 2 giờ đến 4 giờ.

4.3. Hướng dẫn đề tài tốt nghiệp, thi tốt nghiệp (chỉ áp dụng đối với hệ cao đẳng chính quy):

4.3.1. Đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên thực hiện đề tài theo quy định về danh mục đề tài tốt nghiệp, có thời gian 225 giờ/đề tài và chỉ chọn những sinh viên có tổng điểm từ khá trở lên.

4.3.2. Thi tốt nghiệp:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi	
			Trung cấp	Cao đẳng
1	Chính trị	Thi viết	90 phút	120 phút
		Thi trắc nghiệm	45 phút ÷ 60 phút	
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Thi viết hoặc trắc nghiệm	≤ 180 phút	
3	Thực hành nghề nghiệp	Bài thi thực hành tổng hợp	8 giờ ÷ 24 giờ	

Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp, kết quả bảo vệ chuyên đề, khóa luận tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và công nhận danh hiệu Kỹ sư thực hành (đối với trình độ cao đẳng) theo quy định của trường.

4.5. Các chú ý khác:

- Dựa theo chương trình này, khi đào tạo liên thông từ trình độ Trung cấp lên Cao đẳng các cơ sở cần giảng dạy bổ sung những môn học, mô đun bắt buộc và một số môn học, mô đun tự chọn mà trong chương trình đào tạo trình độ Trung cấp chưa giảng dạy;

- Có thể sử dụng một số môn học, mô đun đào tạo trong chương trình khung nêu trên để xây dựng chương trình dạy trình độ sơ cấp (tùy theo nhu cầu của người học) nhưng phải tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể học liên thông lên trình độ Trung cấp và Cao đẳng.



Hà Văn Kiên